

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 67/2023/DSST
Ngày: 20 - 6 - 2023.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản, đòi lại tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 284/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH SR VN

Người đại diện theo pháp luật: Ông **PRART JETJUMNONG**, Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

Trụ sở chính: Số 128, đường Nguyễn Du, phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Minh X**, Chức vụ: Quản lý Khu vực Công ty TNHH SR VN

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Lê Văn H**, Chức vụ: Quản lý phân khu (Có mặt)

Địa chỉ: Số 86/6, đường Lê Hồng Phong, khu vực 6, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ K A, xã Đ M, huyện T L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 24/4/2021, ông Nguyễn Văn Đ có đến Chi nhánh Trà Nóc của Công ty TNHH SR VN ký Hợp đồng số OMM210401015NA17X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu trắng đen đỏ, BKS 65H1-274.81, số khung 0610HY549012, số máy G3D4E572839, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017335, do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/11/2017, để lấy số tiền 17.100.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng), lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ ngày 24/4/2021 đến ngày 25/10/2022). Theo hợp đồng cầm cố đã ký, Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Văn Đ.

Do có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Đ mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời gian mượn xe từ ngày 24/4/2021 đến ngày 24/5/2021, địa điểm trả xe là Chi nhánh Trà Nóc của Công ty TNHH SR VN. Ông Đ đã ký cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình vay, ông Đ chưa thanh toán tiền theo hợp đồng, đã trễ hạn 587 ngày, ông Đ chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 02 kỳ gồm: Nợ gốc 1.181.022 đồng, lãi 369.079 đồng, phí 1.514.747 đồng. Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà nhưng ông Đ đều lần tránh, không gặp.

Nay Công ty TNHH SR VN yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán tiền theo hợp đồng hoặc trả lại chiếc xe YAMAHA EXCITER, màu trắng đen đỏ, BKS 65H1-274.81, số khung 0610HY549012, số máy G3D4E572839, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017335 cho Công ty.

Trường hợp ông Đ không trả lại xe cầm cố thì ông Đ phải thanh toán số tiền tính đến ngày 24/4/2023, tiền nợ gốc 15.916.978 đồng, tiền lãi 5.760.897 đồng, tiền phí 15.713.911 đồng, tiền phí quá hạn 1.919.718 đồng, tổng cộng 39/311.504 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả xe, rút lại yêu cầu tính phí thẩm định tài sản, giữ nguyên chỉ yêu cầu bị đơn trả các khoản sau: Tiền nợ gốc 15.918.626 đồng, tiền lãi 4.169.717 đồng, tiền phí 6.063.392 đồng, tiền phí quá hạn 2.083.988 đồng, tổng cộng 28.235.722 đồng. Bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty TNHH SR VN yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trả tiền còn nợ, tiền lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản và yêu cầu giao trả tài sản nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu trắng đen đỏ, BKS 65H1-274.81, số khung 0610HY549012, số máy G3D4E572839; rút lại yêu cầu tính phí thẩm định tài sản 4,%/ tháng trên dư nợ gốc. Đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét nội dung trong Hợp đồng số OMM210401015NA17X ngày 24/4/2021 và Giấy mượn xe ngày 24/4/2021 là tự nguyện thỏa thuận, giao kết của các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, không trái với quy định pháp luật, đạo đức xã hội.

[3.2] Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt. Vì vậy, ông Đ đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Công ty TNHH SR VN đã giải ngân đủ số tiền cho ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng số OMM210401015NA17X ngày 24/4/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ chỉ thanh toán được một phần tiền cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự.

[3.4] Thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng số OMM210401015NA17X ngày 24/4/2021 có nội dung: “... Bên cầm cố sẽ chịu lãi chậm trả tương đương 150% lãi suất trong hạn...” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468

Bộ luật Dân sự thì yêu cầu tính phí do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH SR VN tính đến ngày 20/6/2023, nợ gốc 15.918.626 đồng, tiền lãi 4.169.717 đồng, tiền phí 6.063.392 đồng, tiền phí quá hạn 2.083.988 đồng, tổng cộng 28.235.722 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Điều 280; Điều 309; Điều 314; Điều 357; Điều 468; Điều 499 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SR VN.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn giao lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu trắng đen đỏ, BKS 65H1-274.81, số khung 0610HY549012, số máy G3D4E572839.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH SR VN số tiền tính đến ngày 20/6/2023, nợ gốc 15.918.626 đồng, tiền lãi 4.169.717 đồng, tiền phí 6.063.392 đồng, tiền phí quá hạn 2.083.988 đồng, tổng cộng 28.235.722 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.411.000 đồng (một triệu bốn trăm mười một nghìn đồng).

Công ty TNHH SR VN được nhận lại 935.000 đồng (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005088 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Bùi Tuấn Kiệt